

Bản án số: 193/2023/DS-ST
Ngày: 17-5-2023.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh
- Ông Thái Văn Sơn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên Tòa.

Ngày 17/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 572/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 182/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ Trợ vốn xã viên Hợp tác xã T (Quỹ CCM); Địa chỉ: Số 52-54, đường B, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc H, Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Ngọc L; Chức vụ: Trưởng chi nhánh Hoà Phú (Văn bản uỷ quyền số 13/CMM-GUQ ngày 15/9/2022);

Địa chỉ liên lạc: Số 29/4, đường D, ấp X, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thuý P, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 01, ấp C, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện nộp ngày 26/9/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Thông qua Tổ hợp tác Kinh doanh Dịch vụ Nông nghiệp số 07, xã A, huyện C; Ngày 17/8/2020, Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã T (gọi tắt là Quỹ CCM) có cho bà Nguyễn Thị Thuý P vay số tiền

40.000.000đ, thời hạn vay: 12 tháng; loại hình trợ vốn: Góp tháng; phí trợ vốn: 0,60%/tháng; phí quản lý CLD: 0,15%/tháng; tiết kiệm: 1%/tháng; phương pháp tính phí: tính theo phương pháp góp; phương thức hoàn trả: Vốn, phí, tiết kiệm trả góp hàng tháng, ngày tất toán nợ: 17/8/2021.

Số tiền phải trả của đợt vốn 17/8/2020 là 48.400.000đ (1); Số tiền bà Phụng đã trả là 16.320.000đ (trong đó vốn là 13.520.000đ, phí trợ vốn là 960.000đ, phí quản lý là 240.000đ); Số tiền tiết kiệm còn phải trả của đợt 17/8/2020 là 3.200.000đ (3); Số tiền nợ còn phải trả là $1-2-3=28.880.000đ$ + Phí quá hạn là 3.120.000đ. Tổng số tiền còn bà Phụng còn nợ tính đến ngày 17/5/2023 là 32.000.000đ. Đã nhiều lần, Quỹ CCM đến nhà bà P để giải quyết nợ nhưng bà cố tình lẩn tránh và không có thiện chí trả nợ cho Quỹ CCM.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà P phải thanh toán số tiền nợ còn lại tính đến ngày 17/5/2023 là 32.000.000đ (trong đó vốn là 26.480.000đ + phí trợ vốn là 1.920.000đ + phí quản lý là 480.000đ + phí quá hạn là 3.120.000đ).

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Hồ sơ pháp lý của CCM: Giấy ủy quyền số 13, 19 ngày 15/9/2022, Quyết định số 2539/QĐ-UB ngày 13/6/2002, Quyết định số 5779/QĐ-UBND ngày 31/12/2008, Điều lệ của CCM, Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 29/4/2020; Đơn đề nghị trợ vốn; Danh sách nhận trợ vốn kèm biên bản bàn giao vốn; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu photo của bị đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thuý P đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú tại xã A, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thuý P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phụng theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền nợ tổng cộng là 32.000.000đ (trong đó vốn là 26.480.000đ, phí trợ vốn là 1.920.000đ, phí quản lý là 480.000đ, phí quá hạn là 3.120.000đ). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà P có trách nhiệm trả lãi phát sinh cho đến ngày thanh

toán xong khoản nợ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 06/8/2020, bà Nguyễn Thị Thuý P có ký đơn đề nghị trợ vốn để vay tiền trả góp từ phía Quỹ CCM số tiền 40.000.000đ, theo các nội dung thỏa thuận như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Bà P đã ký nhận đủ tiền vay theo Danh sách nhận trợ vốn kiêm biên bản bàn giao vốn ngày 17/8/2020. Tính đến ngày 19/9/2022, bà P đã trả được cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 16.320.000đ (trong đó vốn là 13.520.000đ, phí trợ vốn là 960.000đ, phí quản lý là 240.000đ). Từ ngày 19/9/2022 đến nay, bà P không trả cho nguyên đơn thêm bất kỳ số tiền nào. Đến nay, bà P còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 32.000.000đ (trong đó vốn là 26.480.000đ, phí trợ vốn là 1.920.000đ, phí quản lý là 480.000đ, phí quá hạn là 3.120.000đ) là đúng. Như vậy, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Bị đơn bà P đã được Toà án đã triệu tập họp lệ đến Toà để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp; cần buộc bà P trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 32.000.000đ (trong đó vốn là 26.480.000đ, phí trợ vốn là 1.920.000đ, phí quản lý là 480.000đ, phí quá hạn là 3.120.000đ).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại: Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực ngày 01/01/2011;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 7698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã T (Quỹ CCM) về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thuý P thanh toán số nợ tổng cộng là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Thuý P có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã T (Quỹ CCM) số tiền là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng); trong đó vốn là 26.480.000đ (hai mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng, phí trợ vốn là 1.920.000đ (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng), phí quản lý là 480.000đ (bốn trăm tám mươi nghìn đồng), phí quá hạn là 3.120.000đ (ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của (Quỹ CCM) cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho (Quỹ CCM) theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của (Quỹ CCM).

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí DSST là 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Thuý P phải nộp.

Hoàn trả lại cho Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã T (Quỹ CCM) số tiền tạm ứng án phí là 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0020171 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THA Dân sự H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

